



PHÁT TRIỂN MÔ HÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ CHO PHỤ NỮ DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở CÁC XÃ ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN KHU VỰC TÂY NAM BỘ

NGÔ QUANG SƠN

Học viện Dân tộc - Ủy ban Dân tộc
Email: ict882016@gmail.com

Tóm tắt: *Dạy nghề đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao chất lượng của lực lượng lao động nữ, tạo cơ hội tìm kiếm được việc làm có thu nhập ổn định, góp phần giảm nghèo và nâng cao vị thế của phụ nữ trong gia đình và ngoài xã hội. Vùng Đồng bằng Sông Cửu Long vẫn còn là vùng lõm về giáo dục, trình độ dân trí của đồng bào dân tộc còn thấp, đặc biệt là trình độ dân trí của phụ nữ dân tộc thiểu số. Nghiên cứu giải quyết vấn đề đào tạo nghề cho phụ nữ ngày càng có ý nghĩa đặc biệt sâu sắc. Nghiên cứu phát triển mô hình đào tạo nghề cho phụ nữ dân tộc thiểu số có ảnh hưởng tích cực giảm thiểu mức độ bất bình đẳng giới trong giáo dục, tỉ lệ nữ được học nghề tăng lên. Khi trình độ, nhận thức của phụ nữ trong gia đình được cải thiện, đồng nghĩa với việc số lượng và chất lượng đầu tư cho giáo dục đối với con cái sẽ có tác động tích cực thông qua sự dạy dỗ của người mẹ, bên cạnh đó người phụ nữ còn góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống ở mỗi gia đình.*

Từ khóa: *Mô hình; đào tạo nghề; phụ nữ; dân tộc thiểu số; Tây Nam Bộ.*

(Nhận bài ngày 16/6/2017; Nhận kết quả phản biện và chỉnh sửa ngày 29/6/2017; Duyệt đăng ngày 25/7/2017).

1. Đặt vấn đề

Ở Việt Nam, phụ nữ dân tộc thiểu số (DTTS) nông thôn là lực lượng quan trọng của quá trình công nghiệp hóa nông nghiệp, nông thôn. Theo số liệu từ Tổng điều tra dân số năm 2009, phụ nữ chiếm 50,5% số người hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp (năm 1989 tỉ lệ này là 60%). Trong tổng lực lượng lao động nữ, có 68% là hoạt động trong nông nghiệp, tỉ lệ này đối với nam giới là 58%. Vai trò của phụ nữ trong sản xuất nông nghiệp càng trở nên quan trọng hơn trong quá trình chuyển đổi kinh tế, với sự tham gia của lao động nữ vào lĩnh vực sản xuất nông nghiệp ngày càng tăng trong khi lao động nam giảm dần.

Dạy nghề đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao chất lượng của lực lượng lao động nữ, tạo cơ hội tìm kiếm được việc làm có thu nhập ổn định, góp phần giảm nghèo và nâng cao vị thế của phụ nữ trong gia đình và ngoài xã hội. Năm 2010, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Hỗ trợ phụ nữ học nghề, tạo việc làm giai đoạn 2020-2015" (Đề án 295). Trong những năm qua, thực hiện Quyết định số 74/2008/QĐ-TTg ngày 9/6/2008, về một số chính sách hỗ trợ giải quyết đất ở, đất sản xuất và giải quyết việc làm cho đồng bào DTTS nghèo đời sống khó khăn ở vùng Đồng bằng Sông Cửu Long giai đoạn 2008 - 2010, đã góp phần cải thiện tình trạng thiếu việc làm của vùng. Điều này, đã được minh chứng sinh động bởi các Báo cáo kết quả thực hiện Quyết định 74 như sau: "Chính sách đã giải quyết cho 72.742 hộ thuộc đối tượng thụ hưởng chính sách, trong đó: 44.624 hộ có nhu cầu giải quyết việc làm; 37.427 lao động có nhu cầu đào tạo nghề; 52.880 lao động có nhu cầu chuyển đổi ngành nghề; 23.392 hộ có nhu cầu hỗ trợ mua máy móc công cụ để chuyển nghề". **Bài viết là sản phẩm khoa học**

của Đề tài nghiên cứu cơ bản trong khoa học xã hội và nhân văn của Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ Quốc gia: "Nghiên cứu mô hình đào tạo nghề cho phụ nữ DTTS các xã đặc biệt khó khăn khu vực Tây Nam Bộ", mã số VI2.1-2013.

2. Đào tạo nghề cho phụ nữ dân tộc thiểu số ở các xã đặc biệt khó khăn khu vực Tây Nam Bộ

Vùng Đồng bằng Sông Cửu Long vẫn còn là vùng lõm về giáo dục, trình độ dân trí của đồng bào dân tộc còn thấp, đặc biệt là trình độ dân trí của phụ nữ DTTS. Cũng do những hủ tục để lại mà phần lớn phụ nữ DTTS ít được đi học, quỹ thời gian tham gia học tập ngắn, ít có cơ hội tham gia các chương trình đào tạo nghề nông thôn, số đồng lao động thiếu việc làm, do thiếu tay nghề hoặc tay nghề còn yếu, đây là nguyên nhân cơ bản kìm hãm sự phát triển kinh tế hộ gia đình, cũng là một thách thức lớn trong việc đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho đồng bào DTTS đặc biệt là phụ nữ DTTS của các xã đặc biệt khó khăn vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

Nghiên cứu giải quyết vấn đề đào tạo nghề cho phụ nữ ngày càng có ý nghĩa đặc biệt sâu sắc. Nghiên cứu phát triển mô hình đào tạo nghề cho phụ nữ DTTS có ảnh hưởng tích cực đến giảm thiểu mức độ bất bình đẳng giới trong giáo dục, tỉ lệ nữ được học nghề tăng lên; khi trình độ, nhận thức của phụ nữ trong gia đình được cải thiện, đồng nghĩa với việc số lượng và chất lượng đầu tư cho giáo dục đối với con cái sẽ có tác động tích cực thông qua sự dạy dỗ của người mẹ, bên cạnh đó người phụ nữ còn góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống ở mỗi gia đình.

Việc đào tạo nghề cho phụ nữ đặc biệt với những vùng mà phụ nữ đóng vai trò lao động chính sẽ có tác động tích cực đến phát triển thay đổi kinh tế khu vực,

thu hẹp khoảng cách vùng miền, tận dụng được lợi thế khu vực. Chúng tôi đã chọn 3 tỉnh thuộc vùng Tây Nam Bộ là: Trà Vinh, Kiên Giang và An Giang để tiến hành khảo sát. Qua khảo sát và phân tích kết quả thấy rằng:

2.1. Nhận thức về nhu cầu học nghề của phụ nữ dân tộc thiểu số nông thôn ở các xã đặc biệt khó khăn vùng Đồng bằng sông Cửu Long

- Nhóm phụ nữ DTTS nông thôn có nhu cầu học nghề, nhóm phụ nữ DTTS 20-24 tuổi và nhóm phụ nữ DTTS 40-44 tuổi chiếm tỉ trọng cao nhất, tương ứng là 20,6% và 18,4%. Nhóm phụ nữ 20-24 tuổi mới vào thị trường lao động, chưa có trình độ chuyên môn kĩ thuật mong muốn được học nghề để tìm việc làm có chuyên môn kĩ thuật. Nhóm 40-44 tuổi có nhu cầu học nghề để chuyển đổi việc làm vì nhiều lí do như không còn đất sản xuất nông nghiệp.

- Trình độ học vấn, có 86,5% phụ nữ DTTS nông thôn có nhu cầu học nghề trong mẫu khảo sát đã tốt nghiệp trung học cơ sở trở lên, đủ điều kiện tuyển sinh học nghề ở các cấp trình độ sơ cấp nghề, trung cấp nghề và cao đẳng nghề. Tuy nhiên, vẫn còn tới 13,5% phụ nữ DTTS nông thôn mới chỉ tốt nghiệp tiểu học và chưa tốt nghiệp tiểu học, nhóm này chỉ đủ điều kiện tham gia các khoá dạy nghề thường xuyên dưới 3 tháng.

- Nhận thức, hiểu biết của phụ nữ DTTS nông thôn về học nghề và hệ thống chính sách dạy nghề: Trong những năm qua, chính quyền địa phương và Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp đã có nhiều nỗ lực trong tuyên truyền cho người dân nói chung và phụ nữ DTTS nông thôn nói riêng về dạy nghề.

- Phụ nữ DTTS nông thôn có chuyển biến trong hiểu biết, nhận thức về việc học nghề còn thấp. Mặc dù đã được tuyên truyền, phổ biến nhưng họ chưa thực sự tin tưởng việc học nghề sẽ giúp họ thay đổi được tương lai. Học nghề vẫn là lựa chọn cuối cùng đối với nhóm phụ nữ DTTS nông thôn trẻ không thể thi đỗ vào đại học, cao đẳng.

2.2. Định hướng nghề nghiệp, tư vấn học nghề cho phụ nữ dân tộc thiểu số nông thôn ở các xã đặc biệt khó khăn vùng Đồng bằng Sông Cửu Long

Có đến 59,7% phụ nữ DTTS nông thôn trong mẫu khảo sát đã tự định hướng được nghề nghiệp cho bản thân, chia ra những người đủ khả năng tự quyết định; những người không có khả năng tự quyết định, nhưng không tìm được sự hỗ trợ, tư vấn bên ngoài (nhóm phụ nữ DTTS nông thôn nghèo, trình độ thấp,...).

Hơn 44,2% phụ nữ DTTS nông thôn trong mẫu khảo sát đã được định hướng nghề nghiệp từ cán bộ địa phương, đặc biệt từ cán bộ Hội Liên hiệp Phụ nữ, các trung tâm hướng nghiệp - dạy nghề, trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm học tập cộng đồng.

2.3. Nhu cầu về nghề của phụ nữ dân tộc thiểu số nông thôn

Nghề được nhiều phụ nữ DTTS nông thôn trong mẫu khảo sát lựa chọn (49,5%) vẫn thuộc lĩnh vực sản xuất nông-lâm-thủy sản như kĩ thuật trồng trọt, kĩ thuật

chăn nuôi gia súc, gia cầm, nuôi trồng thủy sản,... Nhóm phụ nữ DTTS nông thôn này muốn gắn bó với sản xuất nông nghiệp, tuy nhiên họ mong muốn thay đổi kĩ thuật sản xuất, áp dụng khoa học kĩ thuật để có năng suất, hiệu quả kinh tế cao hơn.

Các nghề thuộc lĩnh vực “phục vụ cá nhân, công cộng” như nấu ăn, chăm sóc sắc đẹp, dịch vụ chăm sóc gia đình,... được 15% phụ nữ DTTS nông thôn trong mẫu khảo sát lựa chọn. Lí do phụ nữ DTTS nông thôn chọn nghề này vì dễ dàng tự mở kinh doanh như dịch vụ nấu cỗ thuê cho các cơ quan, tổ chức, trường học, hộ gia đình,... mở cửa hàng ăn uống; mở cửa hàng làm tóc... hoặc ra thành thị làm giúp việc hộ gia đình, chăm sóc người ốm...

2.4. Đào tạo

Học nghề ngắn hạn dưới 3 tháng là lựa chọn của nhiều phụ nữ DTTS nông thôn trong mẫu khảo sát (tương ứng là 48,4% và 39,8%). Lí do họ lựa chọn đào tạo nghề ngắn hạn và sơ cấp vì không yêu cầu trình độ tuyển sinh đầu vào, phù hợp với nhóm phụ nữ DTTS nông thôn có trình độ học vấn thấp; thời gian học nghề ngắn, phù hợp với phụ nữ DTTS nông thôn đã có gia đình, con nhỏ; có thể vừa học vừa làm, không phải đi học xa; chi phí ít; có nhiều chính sách, chương trình/dự án hỗ trợ học nghề miễn phí; chương trình, nội dung học nghề ngắn gọn, sát với thực tiễn, dễ áp dụng và áp dụng vào công việc được ngay.

Hình thức đào tạo được nhiều phụ nữ DTTS nông thôn lựa chọn nhất là kèm cặp, truyền nghề 48,5% và bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kĩ năng nghề 34,9%. Nhóm phụ nữ DTTS nông thôn trung tuổi, phụ nữ DTTS nông thôn, phụ nữ DTTS nông thôn có trình độ thấp, phụ nữ DTTS ở các làng nghề truyền thống rất ưa thích loại hình đào tạo này vì phù hợp với khả năng tiếp thu, năng lực của họ. Có 22,7% phụ nữ DTTS nông thôn có nhu cầu học nghề chính quy, tập trung.

Nhóm phụ nữ DTTS nông thôn đã có gia đình, nhóm trên 35 tuổi đa số mong muốn được học nghề tại xã. Những vùng thuần nông như địa bàn khảo sát, 99,5% phụ nữ DTTS nông thôn chỉ muốn được học nghề ngay tại xã.

Đa số phụ nữ DTTS nông thôn mong muốn được học cả lí thuyết và thực hành để có thể nắm vững nghề nghiệp và làm được nghề trong tương lai (88,9%). Cũng có 11,1% phụ nữ DTTS nông thôn chỉ muốn học thực hành, do hạn chế về năng lực học tập (tuổi cao hoặc trình độ học vấn quá thấp, khó tiếp thu kiến thức lí thuyết). Vừa học, vừa làm là phương pháp dạy, học nghề phù hợp với năng lực và hoàn cảnh của số đông phụ nữ DTTS nông thôn, có 69,2% phụ nữ DTTS nông thôn trong mẫu điều tra lựa chọn phương pháp dạy, học nghề này. Phương pháp tự học có hướng dẫn phù hợp với những người có năng lực học tập, đạt được trình độ học vấn nhất định, vì vậy chỉ có 9,8% phụ nữ DTTS nông thôn lựa chọn. Phương pháp học tập trung thường có kết quả tốt, thời gian khoá học không bị kéo dài. Gần 85% phụ



nữ DTTS nông thôn trong mẫu điều tra muốn được học nghề miễn phí.

Những khó khăn, rào cản đối với phụ nữ DTTS nông thôn khi đi học nghề có liên quan chặt chẽ đến vai trò giới thực tế trong hộ gia đình. Chị em không muốn đi học xa nhà (34,2%), lo lắng trách nhiệm nội trợ, chăm sóc con nhỏ (31%) hoặc phải lo kiến tiền nuôi con (32%). Kinh tế quá khó khăn, không có tiền trang trải chi phí học nghề cũng là rào cản đối với gần 35% chị em. Tuổi cao (13,1%), học vấn thấp (9,8%), năng lực tiếp thu hạn chế cũng là lí do cản trở phụ nữ DTTS nông thôn học nghề.

2.5. Các nguyên nhân tồn tại của hoạt động đào tạo nghề cho phụ nữ dân tộc thiểu số ở các xã đặc biệt khó khăn khu vực Tây Nam Bộ

2.5.1. Nguyên nhân về nguồn lực

Các cơ sở dạy nghề muốn mở rộng quy mô, cơ cấu ngành nghề, cấp trình độ đào tạo hoặc mua sắm thiết bị hiện đại phục vụ giảng dạy thì điều quan trọng nhất là phải có được nguồn kinh phí đảm bảo được cho hoạt động thường xuyên của cơ sở, mặt khác cơ chế/chính sách liên quan tới đầu tư phải phù hợp với các cơ sở, phải tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho cơ sở trong việc huy động các nguồn lực đầu tư.

2.5.2. Nguyên nhân về phía người cần đào tạo

Phụ nữ DTTS nông thôn phần lớn có trình độ học vấn thấp, thiếu thông tin về nghề nghiệp, về định hướng phát triển kinh tế - xã hội, về cơ hội việc làm. Từ đó, dẫn đến việc lựa chọn ngành nghề đào tạo theo cảm tính, sau khi tốt nghiệp không ứng dụng kiến thức, kĩ năng được học vào hoạt động nghề nghiệp của mình, hiệu quả đào tạo không cao. Phụ nữ DTTS nông thôn phần lớn là lao động chính trong hộ gia đình, rất khó có thể tạm dừng công việc để đi học một cách đầy đủ theo chương trình đào tạo.

2.5.3. Nguyên nhân từ phía cơ sở đào tạo

Năng lực đào tạo của các cơ sở đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh, huyện khá thấp. Điều đó thể hiện qua các nội dung sau: Các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo nghề ở hầu hết các cơ sở đào tạo nghề trên địa bàn các tỉnh được khảo sát còn bất cập so với yêu cầu tăng quy mô, đi đôi với nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho phụ nữ DTTS nông thôn.

2.5.4. Nguyên nhân từ phía quản lí nhà nước

Quản lí nhà nước về chiến lược đào tạo nghề vừa thiếu ổn định, thiếu chặt chẽ vừa chưa thực sự gắn với thực tế phát triển kinh tế - xã hội. Cán bộ quản lí vừa thiếu về số lượng, thiếu chuyên môn (một số cán bộ quản lí chưa kinh qua công tác đào tạo nghề) nên không thể hoàn thành nhiệm vụ tham mưu chỉ đạo, điều hành, xây dựng chính sách đào tạo nghề nói chung và đào tạo nghề cho lao động nữ DTTS nông thôn nói riêng.

2.5.5. Nguyên nhân từ môi trường và người sử dụng lao động

Xu thế toàn cầu hóa yêu cầu chất lượng đào tạo nghề ở các tỉnh phải được nâng lên nhưng thực tế chất

lượng đào tạo nghề nâng lên không đủ đáp ứng nhu cầu của các nhà tuyển dụng, dẫn tới tình trạng các công ty vẫn thiếu lao động mà lao động không có việc làm vẫn chiếm tỉ lệ cao.

2.5.6. Nhu cầu học nghề và sử dụng lao động tại địa phương

Hàng năm, ngành Lao động - Thương binh và Xã hội đã phối hợp với các ban, ngành và các địa phương để tiến hành khảo sát nhu cầu sử dụng lao động qua đào tạo nghề, nhu cầu học nghề của người lao động và khả năng đào tạo của các cơ sở dạy nghề và tham gia dạy nghề.

3. Biện pháp phát triển mô hình đào tạo nghề cho phụ nữ dân tộc thiểu số ở các xã đặc biệt khó khăn khu vực Tây Nam Bộ

3.1. Biện pháp 1: Khảo sát nhu cầu xây dựng kế hoạch đào tạo phụ nữ dân tộc thiểu số

Để xây dựng được các mô hình dạy nghề phù hợp, theo chúng tôi phải triển khai những hoạt động như:

- *Thứ nhất*, cần phải triển khai các hoạt động điều tra, khảo sát nhu cầu sử dụng nhân lực qua lao động đào tạo nghề trong các ngành kinh tế, vùng kinh tế và từng địa phương.

- *Thứ hai*, đồng thời với nắm bắt thông tin về nhu cầu sử dụng lao động, cần thiết phải khảo sát nhu cầu học nghề của đối tượng, nghĩa là cần có sự phân nhóm đối tượng để tổ chức các khoá đào tạo cho phù hợp.

- *Thứ ba*, đối với nhóm đối tượng nông dân đào tạo để có thể làm nông nghiệp hiện đại, do đặc thù của sản xuất nông nghiệp, người nông dân làm việc theo mùa vụ, nên các khoá đào tạo cần gắn với việc vừa học, vừa làm và lựa chọn thời gian nông nhàn của người dân để tổ chức khoá học cho phù hợp.

- *Thứ tư*, mục tiêu của dạy nghề cho phụ nữ DTTS nông thôn là cho họ có một nghề có thể tự tạo việc làm trong nông nghiệp (tăng năng suất lao động) hoặc tìm được việc làm phi nông nghiệp (ở nông thôn hoặc ngoài nông thôn).

- *Thứ năm*, dạy nghề cho phụ nữ DTTS nông thôn có thể được thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau như dạy tại các cơ sở dạy nghề, dạy nghề theo đơn đặt hàng của doanh nghiệp, dạy nghề lưu động (tại xã, thôn, bản); dạy nghề tại doanh nghiệp và các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ, dạy nghề gắn với vùng chuyên canh, làng nghề;...

3.2. Biện pháp 2: Đổi mới nội dung chương trình, phương pháp đào tạo

Trên cơ sở chương trình khung do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định cho từng nghề, các cơ sở đào tạo triển khai cụ thể chương trình đào tạo cho từng nghề. Các mô-đun đưa vào chương trình đào tạo của mỗi ngành nghề cần phải đảm bảo tính thực tiễn, đảm bảo tính cân đối về thời lượng học lí thuyết và thực hành nghề nghiệp của mô-đun đó.

Các cơ sở đào tạo nghề cần tổ chức các đoàn cán bộ, giáo viên đi khảo sát thực tế tại cơ quan, đơn vị thuộc

mọi thành phần kinh tế, từ đó xây dựng chương trình đào tạo chi tiết đồng thời có xem xét đến trọng số của từng mô-đun, trong từng nghề đào tạo để có sự điều chỉnh môn học cho phù hợp. Sau mỗi khóa học, Nhà trường cần có một quy trình thu thập thông tin từ phía người học đánh giá về chất lượng chương trình đào tạo.

3.3. Biện pháp 3: Xã hội hóa đào tạo nghề, gắn đào tạo nghề với việc làm, xuất khẩu lao động

Công tác xã hội hoá đào tạo nghề có bước phát triển, nhiều doanh nghiệp, cá nhân, tổ chức, đã thành lập cơ sở dạy nghề. Hoàn thiện mạng lưới dạy nghề trên địa bàn tỉnh, mạng lưới dạy nghề trên địa bàn tỉnh được mở rộng, quy mô từng cơ sở cũng phát triển lớn hơn. Các cơ sở dạy nghề và tham gia dạy nghề đã thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về dạy nghề, đồng thời tích cực gắn đào tạo nghề với giới thiệu việc làm, tạo việc làm mới, hỗ trợ xuất khẩu lao động và thị trường lao động, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh.

Khuyến khích và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các công ty liên doanh, các doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài đầu tư vào lĩnh vực đào tạo nghề, nhất là quá trình chuyển giao công nghệ, cải thiện các yếu tố về mặt pháp lý,... Ngoài ra, tạo điều kiện cho nghề nhân, thợ giỏi tham gia truyền nghề. Xã hội hóa đào tạo nghề bao hàm các biện pháp gắn kết hoạt động giữa người sử dụng và người đào tạo lao động. Đó là các giải pháp để tạo lập cơ chế thị trường đối với quá trình cung ứng nhân lực.

3.4. Biện pháp 4: Tăng cường kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện

Tăng cường kiểm tra, hướng dẫn việc thực hiện các quy định của pháp luật, các chế độ chính sách và đào tạo nghề cho lao động nông thôn là giải pháp hết sức quan trọng đảm bảo cho công tác đào tạo nghề thực hiện đúng mục tiêu, quy định đề ra, phát hiện kịp thời những sai sót, lệch lạc để điều chỉnh các hiện tượng tiêu cực trong công tác đào tạo nghề cho phụ nữ DTTS nông thôn, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo nghề nguồn nhân lực. Để công tác kiểm tra giám sát được khách quan, hiệu quả thì chính quyền địa phương các cấp phải nghiêm yết về chỉ tiêu, công khai hoá các quy định, chế độ, chương trình đào tạo, chính sách có liên quan,...

Nội dung kiểm tra, kiểm soát phải đi vào kiểm tra nội dung đào tạo, chương trình đào tạo, chất lượng đào tạo, đăng kí đầu vào, thời gian đào tạo, quy chế thi cử, tiêu chuẩn cấp văn bằng, chứng chỉ, các điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học,... Đối với các trường hợp vi phạm phải xử lí nghiêm túc nhằm duy trì nề nếp, kỉ cương.

3.5. Biện pháp 5: Hoàn thiện cơ chế chính sách

Xây dựng, hoàn thiện khung chính sách tài chính để tăng cường huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn cho phát triển dạy nghề. Cải tiến cơ chế phân bổ và nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước cho phát triển dạy nghề. Tạo điều kiện thuận lợi, khuyến

khích và có cơ chế mạnh để thu hút doanh nghiệp tăng cường đầu tư kinh phí cho việc xây dựng. Tiếp tục hoàn thiện thể chế dạy nghề, nhất là cơ chế tài chính đảm bảo lợi ích đối với người dạy nghề, người học nghề, người lao động qua đào tạo nghề (tiền lương, vinh danh v.v...), chính sách đối với doanh nghiệp tham gia dạy nghề... Cần xây dựng các chính sách hỗ trợ riêng của tỉnh cho các giáo viên dạy nghề được cử đi đào tạo, bồi dưỡng, nhất là đào tạo trình độ cao (sau đại học). Thực hiện chính sách ưu đãi đặc biệt nhằm thu hút nghề nhân, thợ bậc cao, học sinh, sinh viên tốt nghiệp loại giỏi tham gia công tác đào tạo nghề (phương án đề xuất: Ngoài những chế độ thu hút nhân lực đang được áp dụng của tỉnh hiện nay, cần hỗ trợ thêm bằng 50% mức lương theo quy định của Nhà nước).

3.6. Biện pháp 6: Thiết kế mô hình đào tạo nghề cho phụ nữ dân tộc thiểu số ở các xã đặc biệt khó khăn khu vực Tây Nam Bộ

Để xây dựng được các mô hình dạy nghề phù hợp cho phụ nữ DTTS, theo chúng tôi phải triển khai những hoạt động như:

- Trước hết, cần phải triển khai các hoạt động điều tra, khảo sát nhu cầu sử dụng nhân lực qua lao động qua đào tạo nghề trong các ngành kinh tế, vùng kinh tế và từng địa phương.

- Thứ hai, đồng thời với việc nắm thông tin về nhu cầu sử dụng lao động, cần thiết phải khảo sát nhu cầu học nghề của đối tượng, nghĩa là cần có sự phân nhóm đối tượng để tổ chức các khoá đào tạo phù hợp.

- Thứ ba, đối với nhóm đối tượng nữ DTTS nông dân đào tạo để có thể làm nông nghiệp hiện đại, do đặc thù của sản xuất nông nghiệp, người DTTS nông dân làm việc theo mùa vụ, nên các khoá đào tạo cần gắn với việc vừa học, vừa làm việc của người nông dân, hoặc phải lựa chọn thời gian nông nhàn của người DTTS để tổ chức các khoá học cho phù hợp.

- Thứ tư, mục tiêu dạy nghề cho lao động nữ DTTS nông dân là tạo cho họ có một nghề để có thể tự tạo việc làm trong nông nghiệp (tăng năng suất lao động) hoặc tìm được việc làm phi nông nghiệp (ở nông thôn hoặc ngoài nông thôn)..

Một số mô hình đào tạo nghề ngắn hạn cho phụ nữ DTTS:

- *Mô hình 1:* Trung tâm hướng nghiệp dạy nghề cấp huyện/trung tâm giáo dục thường xuyên cấp huyện cùng phối hợp với trung tâm khuyến nông/khuyến lâm trên địa bàn tổ chức dạy các nghề phổ thông (trồng rau sạch), nghề truyền thống (mĩ nghệ dừa - tre, nghề thủ công mĩ nghệ đan lục bình...).

- *Mô hình 2:* Trung tâm học tập cộng đồng xã, bản, phường, phối hợp với hội đoàn thể, hội nghề nghiệp ở địa phương (VACVN, Hội Nông dân, Hội Phụ nữ...) tổ chức dạy nghề cho các hội viên.

- *Mô hình 3:* Sở Lao động các tỉnh phối hợp với ủy ban nhân dân huyện tổ chức dạy nghề cho nữ nông dân người DTTS.



Một số mô hình đào tạo nghề dài hạn cho phụ nữ

DTTS:

- *Mô hình 1:* Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh phối hợp với các trường trung cấp nghề, cao đẳng nghề phù hợp trên địa bàn tổ chức dạy nghề với những nghề các doanh nghiệp đang có nhu cầu.

- *Mô hình 2:* Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh phối hợp hoặc đặt hàng với các doanh nghiệp (hoặc trường trong doanh nghiệp) để dạy nghề theo nhu cầu của doanh nghiệp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Quyết định số 630/QĐ-TTg ngày 29/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược dạy nghề thời kỳ 2011-2020.

[2]. Dollar & Gatti, (1999), *Gender Inequality, Income, and Growth: Are Good Times Good for Women?*

[3]. King - Klasen và Porter, (2008), *Women and Development*.

DEVELOPING VOCATIONAL TRAINING MODEL FOR ETHNIC WOMEN IN SPECIAL DISADVANTAGED VILLAGES IN THE SOUTH WEST AREA

Ngo Quang Son

Vietnam Academy for Ethnic Minorities – Committee for Ethnic Minority Affair

Email: ict882016@gmail.com

Abstract: Vocational training plays an important role in improving the quality of the female workforce, creating opportunities for finding employment with stable income, contributing to poverty reduction and women empowerment in the family and society. The Mekong River Delta area is still a concave area in education, ethnic minorities with low educational level, especially for women. Research on vocational training for women was specially meaningful. Research the development of vocational training model for ethnic women had positive impact on reducing gender inequality in education, increasing proportion of female apprentices; improving women's awareness, quantity and quality of education investment into children will have a positive impact through mother-to-child education; women also contribute to improving quality of life in each family.

Keywords: Model; vocational training; women; ethnic minority; South West area.